

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2021/DS-PT

Ngày 27/12/2021

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất,
yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Đức Trí

Các Thẩm phán: Ông Lê Xuân Sơn

Bà Nguyễn Thị Minh Thùy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Mi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2021/TLPT-DS ngày 09 tháng 11 năm 2021 về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2021/DS-ST, ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 73/2021/QĐ-PT, ngày 13 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hữu T; có mặt;

- *Bị đơn:* Bà Đoàn Thị I; có mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã H, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:* Ông Hoàng Văn A (đã chết ngày 17/9/2021).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:

1. Bà Lành Thị V; vắng mặt.

2. Anh Hoàng Văn N; vắng mặt.

3. Anh Hoàng Văn B; vắng mặt.

4. Chị Hoàng Thị V; vắng mặt.

Cả 04 người đều cùng địa chỉ: Thôn K, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng bà Lành Thị V, anh Hoàng Văn N, anh Hoàng Văn B, chị Hoàng Thị V: Anh Hoàng Văn K; địa chỉ: Thôn K, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt;

5. Anh Hoàng Văn K; có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đoàn Thị I và anh Hoàng Văn K:* Ông Nguyễn Huy X, Luật sư Văn phòng Luật sư N, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Hoàng Văn X; địa chỉ: Thôn K, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Đ; địa chỉ: Thôn H, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị E; địa chỉ: Thôn K, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

4. Bà Nguyễn Thị L; địa chỉ: Khối 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

5. Bà Nguyễn Thị B; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

6. Bà Hoàng Thị T; vắng mặt.

7. Anh Nguyễn Anh T; vắng mặt.

8. Anh Nguyễn Tiến H; vắng mặt.

9. Bà Nguyễn Thị X; vắng mặt. Người đại diện hợp pháp: Anh Nguyễn Hữu T; có mặt.

10. Anh Nguyễn Hữu T1 (đã chết);

11. Anh Nguyễn Hữu T; có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã H, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;

12. Ủy ban nhân dân xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn C - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H; người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Minh Quỳnh A, Cán bộ địa chính xã H; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Đoàn Thị I, là bị đơn; anh Hoàng Văn K, là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Hoàng Văn A và những thừa kế quyền và nghĩa vụ của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Mảnh đất tranh chấp thuộc khu đồi K, thôn K, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn thì nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều cho rằng: Nguồn gốc là đất của ông cha ông để lại, nhưng ông không có giấy tờ gì về đất.

Còn ông Nguyễn Hữu T trình bày: Từ khoảng những năm 1970, khi còn nhỏ ông đã được đến khu đất tranh chấp giúp ông bà, bố mẹ trồng màu. Năm 1982, ông nội của ông là Nguyễn Viết C và bà nội là Hà Thị K chết; năm 1993, bố ông là Hoàng Văn C chết; năm 2001, anh trai ông là Nguyễn Hữu L chết; năm 2014, mẹ ông là bà Nguyễn Thị N chết, gia đình đều chôn cất trên mảnh đất này. Phần đất xung quanh mộ, gia đình ông vẫn sử dụng canh tác trồng màu, đến khoảng năm 2000 gia đình neo người nên không trồng màu nữa mà chỉ để làm khu đất mộ của gia đình. Năm 2004, gia đình ông trồng hàng rào cây gai làm ranh giới ngăn cách với đất nhà khác. Hiện nay trên đất vẫn có hàng rào cây gai, 05 ngôi mộ của ông bà nội, bố mẹ và anh trai ông và 01 cây Sau Sau mọc tự nhiên, còn lại là cây cỏ dại mọc hoang, không có công trình, vật kiến trúc, cây trồng nào khác. Hàng năm, gia đình ông vẫn đến vườn dọn dẹp, phát cỏ một vài lần. Đất của bà Đoàn Thị I đang sử dụng ở phía Tây mảnh đất tranh chấp, được ngăn cách bởi hàng rào cây gai do gia đình ông trồng từ năm 2004. Khoảng tháng 5/2020, bà Đoàn Thị I chặt hàng rào cây gai của ông (chặt cách gốc cây khoảng 01m), khi ông hỏi tại sao chặt phá hàng rào cây gai của ông thì bà Đoàn Thị I nói rằng đó là đất của ông cha bà ấy. Mảnh đất của gia đình ông từ trước đến năm 2020 là liền thửa. Đầu năm 2020, bà Đoàn Thị I và gia đình ông Hoàng Văn A cuộc rãnh chia mảnh vườn của ông thành phần phía Bắc và phần phía Nam, phần phía Bắc chia đôi thành hai phần là phía Đông Bắc và Tây Bắc. Bà Đoàn Thị I cho rằng phần phía Nam và phần Tây Bắc là đất của bà Đoàn Thị I, ông Hoàng Văn A cho rằng phần Đông Bắc là đất của nhà ông Hoàng Văn A. Theo kết quả tại Trích đo số 77 tỉ lệ 1.500 do Công ty Cổ phần Trắc địa bản đồ và Môi trường Sông Tô chi nhánh Lạng Sơn đo vẽ ngày 08/7/2021, ông xác định mảnh đất của ông có diện tích là 746 m², thuộc một phần thửa số 47, tờ bản đồ địa chính số 94 xã H, gồm các đỉnh thửa A₁, A₄, A₅, A₆, A₇, A₈, A₉, A₁₀, A₁₁, A₁₂, A₁₃, A₁₄, A₁₅, A₁₆, A₁₇, tổng diện tích đất; trong đó:

+ Phần đất tranh chấp với bà Đoàn Thị I diện tích là 593,5 m², gồm các đỉnh thửa A₁, A₁₈, A₁₉, A₂₀, A₂₁, A₈, A₉, A₁₀, A₁₁, A₁₂, A₁₃, A₁₄, A₁₅, A₁₆, A₁₇.

+ Phần đất tranh chấp với ông Hoàng Văn A diện tích là 152,5m², gồm các đỉnh thửa A₄, A₅, A₆, A₇, A₈, A₂₁, A₂₀, A₁₉ A₁₈.

Ông không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Hoàng Văn A về việc yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp 152,5m². Ông yêu cầu gia đình ông được quản lý, sử dụng diện tích 746 m² nói trên. Ông xác định không tranh chấp phần diện tích đất 17,3m², thuộc một phần thửa số 439 tờ bản đồ địa chính số 94 xã H, gồm các đỉnh thửa A₁, A₂, A₃, A₄. Ông rút yêu cầu về việc đòi

bà Đoàn Thị I bồi thường thiệt hại số tiền 10.000.000 đồng do chặt phá hàng rào cây gai.

Bị đơn bà Đoàn Thị I trình bày: Bà chỉ được nghe bố đẻ của bà là ông Nông Văn T (chết năm 1987) nói lại là mảnh đất này có nguồn gốc của ông cha bên ngoại của bà trước đây góp vào hợp tác xã và khu vực này chỉ có đất của ông cha bà và ông cha ông Hoàng Văn A, ông cha ông Nguyễn Hữu T không có đất ở khu vực này. Năm 1990, hợp tác xã tan, theo thông lệ đất nhà ai góp thì nhà đó lấy về, do gia đình bà neo người nên từ đó đến nay đất vẫn để không, bà chưa sử dụng đến. Bà chỉ thấy gia đình ông Nguyễn Hữu T sử dụng đất tranh chấp trồng màu khi hợp tác xã chưa tan, sau khi hợp tác xã tan thì không thấy ai sử dụng đất đó trồng trọt, chỉ có gia đình ông Nguyễn Hữu T đặt mộ, trồng hàng rào cây gai. Năm 2020, bà và gia đình ông Hoàng Văn A thỏa thuận cuộc rãnh chia mảnh đất tranh chấp, bà lấy phần đất phía Nam và phần đất phía Tây Bắc; ông Hoàng Văn A lấy phần đất phía Đông Bắc. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu T vì đó là đất ông cha của bà để lại. Bà yêu cầu ông Nguyễn Hữu T phải trả lại đất cho bà sử dụng. Bà không buộc ông Nguyễn Hữu T phải di dời 05 ngôi mộ ngay nhưng khi nào gia đình ông Nguyễn Hữu T bốc mộ thì phải trả lại cho bà phần đất đã đặt mộ. Năm 2020, bà đã chặt hàng rào cây gai của ông Nguyễn Hữu T, chặt cách gốc khoảng 01 m, bà không nhất trí bồi thường thiệt hại vì đó là đất của bà. Nay ông Nguyễn Hữu T rút yêu cầu buộc bà bồi thường 10.000.000 đồng do chặt phá cây gai bà không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Hoàng Văn A do anh Hoàng Văn K là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Đất tranh chấp được xác định trên Trích đo là 152,5m², gồm các đỉnh thửa là A₄, A₅, A₆, A₇, A₈, A₂₁, A₂₀, A₁₉, A₁₈, có nguồn gốc là đất ông cha của ông Hoàng Văn A để lại, nhưng không có giấy tờ chứng minh. Khu vực này chỉ có đất của ông cha ông và ông cha bà Đoàn Thị I, ông cha ông Nguyễn Hữu T không có đất ở đây. Năm 1960, đất được góp vào hợp tác xã. Đến 1990, hợp tác xã tan, theo thông lệ đất nhà ai thì nhà đó lấy về. Do đó, đất tranh chấp chỉ có thể là của gia đình ông Hoàng Văn A và bà Đoàn Thị I. Đầu năm 2020, gia đình ông Hoàng Văn A và bà Đoàn Thị I cuộc rãnh thỏa thuận chia đất, theo đó bà Đoàn Thị I lấy phần đất phía Nam và phía Tây Bắc; ông Hoàng Văn A lấy phần đất phía Đông Bắc giáp mảnh vườn gia đình ông Hoàng Văn A đang trồng đào không có tranh chấp. Ngày 17/02/2021, gia đình ông Hoàng Văn A trồng hơn 21 cây Đào con trên đất tranh chấp nhưng ngay chiều ngày hôm đó gia đình ông T đã nhổ hết. Phần đất tranh chấp trước đây ông Hoàng Văn A chưa sử dụng nhưng đó là đất ông cha để lại nên ông Hoàng Văn A yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp 152,5m² nói trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn X cho rằng: Đất tranh chấp có nguồn gốc thuộc một phần đất của ông cha ông trước đây góp vào hợp tác xã. Khoảng từ năm 1979, ông thấy gia đình ông Nguyễn Hữu T sử dụng đất này trồng màu, năm 1982 thì bắt đầu chôn mộ, hiện nay trên đất có 05 ngôi mộ đất của gia đình ông T. Năm 1990, hợp tác xã tan, theo thông lệ đất nhà ai

nhà đó lấy về, nên gia đình ông trả lại đất L cho gia đình ông Nguyễn Hữu T và lấy lại đất K. Sau khi lấy lại đất K ông và ông Hoàng Văn A đã tự phân chia đất ông cha để lại, ông lấy phần đất phía Nam, còn ông Hoàng Văn A lấy phần phía Bắc. Mảnh đất tranh chấp liền sát với đất của ông và ông Hoàng Văn A đang sử dụng, cũng có nguồn gốc của ông cha ông để lại nhưng do gia đình ông Nguyễn Hữu T đã đặt mộ từ năm 1982 và hiện trên đất vẫn có 05 ngôi mộ nên ông không tranh chấp mà vẫn để cho gia đình ông Nguyễn Hữu T sử dụng, ông không tranh chấp đất với bà Đoàn Thị I. Thực tế ông cha ông Nguyễn Hữu T không có đất ở khu vực này, khu vực này chỉ có đất của ông cha ông và ông cha bà Đoàn Thị I.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan với ông Nguyễn Hữu T đều cùng ý kiến với ông Nguyễn Hữu T.

Đại diện Ủy ban nhân dân xã H trình bày: Đất tranh chấp thuộc một phần thửa số thửa 47 tờ bản đồ địa chính số 94 xã H, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không nằm trong quy hoạch của Nhà nước, hiện nay các hộ dân đang sử dụng. Theo Sổ bản giao diện tích đất năm 2002, thửa đất số 47 tờ bản đồ địa chính số 94 đứng tên Hoàng Văn X, diện tích 6.607m² ký hiệu là đất rừng sản xuất. Sổ bản giao diện tích đất đứng tên Hoàng Văn X là do khi đo đạc bản đồ các hộ có đất liền kề với đất ông Hoàng Văn X không có mặt để chỉ ranh giới, nên đơn vị đo đạc đã đo bao vào phần diện tích đất của ông Hoàng Văn X thành một thửa và ký nhận trong sổ. Nguồn gốc đất theo xác minh được là đất của ông cha ông Nguyễn Hữu T để lại và ông Nguyễn Hữu T sử dụng đã lâu. UBND xã không lưu giữ tài liệu thể hiện Hợp tác xã quản lý đất tranh chấp năm 1960-1990 nên sau năm 1990 đất nhà ai thì người đó tiếp tục sử dụng, không có thông tin đất tranh chấp trong Sổ mục kê, trong bản đồ giải thửa năm 1989.

Với nội dung trên, tại bản án sơ thẩm số 20/2021/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T đối với diện tích đất 17,3m² thuộc một phần thửa 439 tờ bản đồ địa chính số 94, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn và đình chỉ giải quyết yêu cầu của nguyên đơn đòi bồi thường thiệt hại tài sản với số tiền 10.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T:

2.1. Hộ gia đình ông Nguyễn Hữu T được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 746 m², thuộc một phần thửa số 47, tờ bản đồ địa chính số 94 xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có các đỉnh thửa là A₁, A₄, A₅, A₆, A₇, A₈, A₉, A₁₀, A₁₁, A₁₂, A₁₃, A₁₄, A₁₅, A₁₆, A₁₇, trên đất có 05 ngôi mộ đất đặt các năm 1982, 1993, 2001, 2014 và được quyền sở hữu các tài sản trên đất gồm: 01 cây Sau Sau đường kính 30cm và hàng rào cây gai (đoạn A₈, A₉, A₁₀, A₁₁ dài 31,2m; đoạn A₁₂, A₁₃, A₁₄, A₁₅, A₁₆, A₁₇, A₁ dài 67,5 m). Đất tranh chấp có các mặt tiếp giáp như sau:

- Phía Đông giáp với thửa đất số 66 (A₇, A₈, A₉, A₁₀, A₁₁; dài 43m) và giáp một phần thửa 47 (A₄, A₅, A₆, A₇; dài 13,6m), có chiều dài 56,6m;

- Phía Tây giáp với thửa đất số 47 ($A_{12}, A_{13}, A_{14}, A_{15}, A_{16}, A_{17}, A_1$), có chiều dài 67,5 m;
- Phía Nam giáp thửa 47 (A_{11}, A_{12}), có chiều dài 12 m;
- Phía Bắc giáp với thửa số 439 (A_1, A_4), có chiều dài 7,5 m.

(Có Trích đo khu đất tranh chấp kèm theo)

Hộ gia đình ông Nguyễn Hữu T có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn A về yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích đất 152,5 m², có các đỉnh thửa là $A_4, A_5, A_6, A_7, A_8, A_{21}, A_{20}, A_{19}, A_{18}$, thuộc một phần thửa số 47, tờ bản đồ địa chính số 94 xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Trong thời hạn luật định, bà Đoàn Thị I kháng cáo đề nghị giải quyết cho gia đình bà được quản lý, sử dụng diện tích đất là 593,5m²; anh Hoàng Văn K kháng cáo đề nghị giải quyết cho gia đình ông Hoàng Văn A được quản lý, sử dụng diện tích đất là 152,5m².

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Hữu T, bà Đoàn Thị I và anh Hoàng Văn K đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Ý kiến phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự có mặt tại phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận với nhau để giải quyết vụ án; xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tuy nhiên một số người vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt, một số người đã có ủy quyền, việc vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc xét kháng cáo, Hội đồng xét xử sau khi thảo luận tại chỗ, đã áp dụng khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể:

[3] Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T có quyền quản lý, sử dụng diện tích 457,8m² thuộc một phần thửa số 47, tờ bản đồ địa chính số 94 xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có các đỉnh thửa A8 A9 A10 A11 A12 A13 A14 A15, ký hiệu là 47.1 trên mảnh trích đo.

[4] Bà Đoàn Thị I và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập có nghĩa vụ để đường đi vào diện tích đất mà ông Nguyễn Hữu T được quyền quản lý, sử dụng, đường đi có chiều rộng 02 mét, lấy đường rãnh mương làm tâm chuẩn để căn về hai phía đất của bà Đoàn Thị I và ông Hoàng Văn A mỗi bên 01 mét, đường đi có diện tích 62,5m² thuộc một phần thửa số 47, tờ bản đồ địa chính số 94 xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có các đỉnh thửa B1 B2 B3 B4 B5 B6 B7 A18 A1, ký hiệu là 47.4 trên mảnh trích đo.

[5] Bị đơn bà Đoàn Thị I có quyền quản lý, sử dụng diện tích 102,6m² thuộc một phần thửa số 47, tờ bản đồ địa chính số 94 xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có các đỉnh thửa B1 B2 B3 B4 A15 A16 A17, ký hiệu là 47.3 trên mảnh trích đo.

[6] Ông Hoàng Văn A có quyền quản lý, sử dụng diện tích 123,1m² thuộc một phần thửa số 47, tờ bản đồ địa chính số 94 xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có các đỉnh thửa A4 A5 A6 A7 A8 B5 B6 B7 A18, ký hiệu là 47.2 trên mảnh trích đo.

[7] Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí tố tụng là 13.600.000đ (mười ba triệu sáu trăm nghìn đồng). Ông Nguyễn Hữu T, bà Đoàn Thị I, anh Hoàng Văn K thỏa thuận mỗi người chịu số tiền 4.533.000đ (bốn triệu năm trăm ba mươi ba nghìn đồng).

[8] Về án phí phúc thẩm: Bà Đoàn Thị I, ông Hoàng Văn A mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm để sung ngân sách nhà nước. Tuy nhiên bà Đoàn Thị I và ông Hoàng Văn A là người cao tuổi, đều có đề nghị miễn án phí nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm d Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Xét, với sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật, nên cần sửa bản án sơ thẩm số 20/2021/DS-ST ngày 17-9-2021 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm.

[10] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 và khoản 2 Điều 300; Điều 148, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 29, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2021/DS-ST ngày 17-9-2021 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn; công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa, cụ thể:

1. Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T có quyền quản lý, sử dụng diện tích 457,8m² thuộc một phần thửa số 47, tờ bản đồ địa chính số 94 xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có các đỉnh thửa A8 A9 A10 A11 A12 A13 A14 A15, ký hiệu là 47.1 trên mảnh trích đo.

Ông Nguyễn Hữu T có nghĩa vụ kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai đối với diện tích đất nêu trên.

Bà Đoàn Thị I và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có nghĩa vụ chấm dứt hành vi tranh chấp đối với diện tích đất trên.

2. Bà Đoàn Thị I và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập có nghĩa vụ để đường đi vào diện tích đất mà ông Nguyễn Hữu T được quyền quản lý, sử dụng, đường đi có diện tích 62,5m² thuộc một phần thửa số 47, tờ bản đồ địa chính số 94 xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có các đỉnh thửa B1 B2 B3 B4 B5 B6 B7 A18 A1, ký hiệu là 47.4 trên mảnh trích đo.

3. Bị đơn bà Đoàn Thị I có quyền quản lý, sử dụng diện tích 102,6m² thuộc một phần thửa số 47, tờ bản đồ địa chính số 94 xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có các đỉnh thửa B1 B2 B3 B4 A15 A16 A17, ký hiệu là 47.3 trên mảnh trích đo.

Bà Đoàn Thị I có nghĩa vụ kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai đối với diện tích đất nêu trên.

Ông Nguyễn Hữu T có nghĩa vụ chấm dứt hành vi tranh chấp đối với diện tích đất trên.

4. Ông Hoàng Văn A có quyền quản lý, sử dụng diện tích 123,1m² thuộc một phần thửa số 47, tờ bản đồ địa chính số 94 xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có các đỉnh thửa A4 A5 A6 A7 A8 B5 B6 B7 A18, ký hiệu là 47.2 trên mảnh trích đo.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Hoàng Văn A có nghĩa vụ kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai đối với diện tích đất nêu trên.

Ông Nguyễn Hữu T có nghĩa vụ chấm dứt hành vi tranh chấp đối với diện tích đất trên.

5. Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí tố tụng là 13.600.000đ (mười ba triệu sáu trăm nghìn đồng). Ông Nguyễn Hữu T, bà Đoàn Thị I, anh Hoàng Văn K mỗi người phải chịu số tiền 4.533.000đ (bốn triệu năm trăm ba mươi ba nghìn đồng). Bà Đoàn Thị I và anh Hoàng Văn K phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Hữu T số tiền 4.533.000đ/ người (bốn triệu năm trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu; mà người phải thi hành án chưa thi hành, thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về án phí phúc thẩm: Bà Đoàn Thị I và ông Hoàng Văn A được miễn án phí phúc thẩm.

7. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND TP Lạng Sơn, T. Lạng Sơn;
- VKSND TP Lạng Sơn, T. Lạng Sơn;
- CCTHADS TP L, T. Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HCTP, HS, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vi Đức Trí